

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST
Ngày: 05 - 11 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truỵn;
2. Bà Lâm Thị Kim Xuy n.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công- là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KT tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 10 và ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXX-ST ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Số 04, ấp SĐ, xã T.H, thị xã KT, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp GD, xã BH, thị xã KT, Long An. (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Đào Văn B, sinh năm 1955. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BC 2, xã T.TH, thị xã KT, tỉnh Long An.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1979. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BV, xã T.H, thị xã KT, tỉnh Long An

- Ông Trần Minh Q, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BV, xã T.H, thị xã KT, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn, của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc G yêu cầu ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả số tiền nợ hui 113.500.000 đồng.

Về căn cứ khởi kiện: Ông B và bà Đ là vợ chồng có tham gia 06 dây hui do bà G làm chủ, đã hốt hui nhưng không tiếp tục đóng hui cho bà G, cụ thể:

1. Dây hui tháng mở ngày 10/9/2020, tổng 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 02 phần, đã hốt hui ngày 10/10/2020 và ngày 10/11/2020. Sau đó đã đóng đến hết tháng 12/2020, tháng 01/2021 đóng được 500.000 đồng. Tiền hui tháng 01/2021 thiếu 3.500.000 đồng, tiền hui các kỳ từ tháng 02/2021 đến mãn hui (tháng 8/2021) chưa đóng. Bà G yêu cầu số tiền hui thiếu là 27.500.000 đồng.

2. Dây hui tháng mở ngày 10/9/2020, 12 phần, 5.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt hui ngày 10/01/2021, sau khi hốt hui thì không đóng. Yêu cầu tiền hui thiếu của các kỳ từ tháng 02/2021 đến mãn hui tháng 8/2021 là 30.000.000 đồng.

3. Dây hui tháng mở ngày 15/11/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt hui ngày 15/12/2020, sau khi hốt hui đóng đến tháng 01/2021. Tiền hui thiếu từ tháng 02/2021 đến mãn hui tháng 10/2021 là 09 kỳ thành tiền 18.000.000 đồng.

4. Dây hui tháng mở ngày 20/7/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 02 phần, đã hốt hui ngày 20/8/2020 và ngày 20/10/2020. Đã đóng hui đến hết tháng 01/2021. Tiền hui thiếu từ tháng 02/2021 đến mãn hui tháng 6/2021 là 20.000.000 đồng.

5. Dây hui tháng mở ngày 01/6/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 02 phần, đã hốt hui ngày 01/7/2020 và ngày 01/8/2020. Sau đó đã đóng hui đến tháng 01/2021. Tiền hui thiếu từ tháng 02/2021 đến mãn hui tháng 5/2021 là 04 kỳ là 12.000.000 đồng.

6. Dây hui tháng mở ngày 01/6/2020, 12 phần, 1.000.000 đồng/phần, bị đơn tham gia 02 phần, đã hốt hui ngày 01/9/2020 và ngày 12/9/2020. Sau đó đóng đến hết tháng 01/2021, tiền hui thiếu từ tháng 02/2021 đến khi mãn tháng 5/2020 là 6.000.000 đồng.

Trong các dây hui trên có một số dây hui bị đơn thiếu số tiền lớn hơn tiền mà bà G yêu cầu, nhưng do đơn khởi kiện tính nhằm nên chỉ yêu cầu theo đơn tổng là 113.500.000 đồng.

Khi tổ chức các dây hui thì bà G có lập giấy giao kèo hui để theo dõi, tên của bị đơn trong danh sách hui là “Bánh”.

Bà G giao tiền hui tại nhà vợ chồng ông B, bà Đ. Khi giao tiền do tin tưởng nên không lập thành văn bản và không có ai chứng kiến nhưng có hui viên bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Đen (tên Trần Minh Q) biết việc bà Đ hốt hui vì những người này có tham gia các dây hui trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà có tham gia các dây hui do bà G làm chủ, tiền đóng hui là tiền chung của vợ chồng bà với ông B. Tên trong danh sách hui là “Bánh” theo tên chồng, bà chưa lãnh hui, bà G cũng chưa giao tiền hui cho bà, do bà G bị vỡ hui nên bà ngưng đóng từ tháng

12/2020 âm lịch đến nay, cụ thể:

1. Dây hụi tháng mở ngày 10/9/2020, có 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 04 kỳ từ khi mở hụi thì ngưng không đóng tiếp, dây hụi này bà chưa lãnh hụi.

2. Dây hụi tháng mở ngày 10/9/2020, 12 phần, 5.000.000 đồng/phần, bà tham gia 01 phần, vào tháng 01/2021 lễ ra ông Đen (Trần Minh Q) được lãnh hụi nhưng bà có nói với ông Quang cho bà được hốt nhưng bà G chưa giao tiền cho bà.

3. Dây hụi tháng mở ngày 15/11/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng được 03 kỳ thì ngưng, dây hụi này bà chưa hốt hụi, bà G chưa giao hụi cho bà.

4. Dây hụi tháng mở ngày 20/7/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 04 kỳ thì ngưng, đến nay chưa lãnh hụi, bà G chưa giao hụi cho bà và cũng không giao giấy hụi cho bà.

5. Dây hụi tháng mở ngày 01/6/2020, 12 phần, 2.000.000 đồng/phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 09 kỳ thì ngưng, đến nay chưa hốt hụi, bà G chưa giao giấy giao kèo hụi cho bà.

6. Dây hụi tháng mở ngày 01/6/2020, 12 phần, 1.000.000 đồng/phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 09 kỳ thì ngưng, đến nay chưa hốt hụi.

Bị đơn, ông Đào Văn B trình bày tại phiên tòa không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G, cụ thể: Ông và bà Đ là vợ chồng, bà Đ có tham gia các dây hụi do bà G tổ chức và lấy tiền của ông để đóng hụi. Bà G chưa giao tiền hụi cho bà Đ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ánh M trình bày: Bà có tham gia nhiều dây hụi do bà G tổ chức, trong đó có các dây hụi mở vào ngày: 10/9/2020, hụi 2.000.000 đồng/phần; Hụi mở ngày 10/9/2020, 5.000.000 đồng/phần; Hụi mở ngày 15/11/2020, 2.000.000 đồng/phần; Hụi mở ngày 20/7/2020, hụi 2.000.000 đồng/phần; Hụi ngày 01/6/2020, 1.000.000 đồng/phần và hụi mở ngày 01/6/2020, 2.000.000 đồng/phần. Bà Đ có tham gia 06 dây hụi nêu trên, hàng tháng bà và bà Đ đến nhà bà G bỏ hụi, khi bỏ hụi thì bà biết bà Đ đã hốt hụi trong 06 dây hụi trên, tuy nhiên việc giao tiền là giữa chủ hụi với hụi viên, bà không chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa các bên.

Người làm chứng ông Trần Minh Q trình bày: Tên thường gọi của ông là Đen, ông có tham gia nhiều dây hụi do bà G tổ chức. Trong các dây hụi mà bà G đang khởi kiện thì ông tham gia dây mở ngày 10/9/2020, hụi 5.000.000 đồng/phần. Bà Đ cũng tham gia dây hụi này, ông được hốt hụi (không nhớ rõ thời gian) nhưng bà Đ gọi điện cho ông nói để bà Đ hốt hụi rồi tháng sau tới ông, cụ thể nói *chị Giàu giao hụi cho bác rồi tháng sau tới con hốt hết*, theo ông hiểu là bà Đ hốt tiền hụi kỳ đó và đã nhận tiền. Còn ông không chứng kiến việc bà G giao tiền hụi cho bà Đ.

Ngoài ra ông tham gia dây hụi mở ngày 01/6/2020 nhưng không nhớ bà Đ có tham gia hay không.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng trình tự quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy

định Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định.

Về nội dung: Bà G khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông B trả 113.500.000 đồng tiền hội, bà G cho rằng đã giao tiền hội cho bị đơn nhưng không lập văn bản giao tiền, nay bị đơn không thừa nhận đã nhận tiền hội.

Xét thấy, tại đây hội mở ngày 10/9/2020, hội 5.000.000 đồng/phần người làm chứng ông Quang khai tới kỳ lãnh hội lẽ ra ông Quang là người được lãnh nhưng bà Đ đã gọi cho ông (bằng số điện thoại của bà G) thông báo về việc bà Đ hốt hội kỳ đó, cụ thể nói “Chị Giàu giao hội cho bác rồi tháng sau tới con hốt hết”, người làm chứng bà Minh cũng khai có biết bà Đ đã hốt hội trong đây hội trên. Như vậy có căn cứ xác định bà Đ đã lãnh hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G đối trong đây hội mở ngày 10/9/2020, hội 5.000.000 đồng/phần.

Đối với các đây hội còn lại bà G không chứng minh được đã giao tiền hội cho bị đơn nên không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu ông Đào Văn B, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả tiền nợ hội. Bị đơn cư trú tại xã T.TH, thị xã KT nên căn cứ Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng góp hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về hòa giải: Bị đơn ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị Đ đã được cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được mà chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có thông báo kết quả cho đương sự theo Điều 207, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nội dung thống nhất: Nguyên đơn bà G, bị đơn bà Đ thống nhất về việc bà Đ có tham gia 06 đây hội do bà G tổ chức, mở vào các ngày 10/9/2020 (02 đây), ngày 15/11/2020, ngày 20/7/2020, ngày 01/6/2020 (02 đây).

[3.2] Nội dung không thống nhất: Nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Đ đã lãnh hội trong 06 đây hội trên sau đó không tiếp tục đóng các kỳ hội còn thiếu nên yêu cầu trả số tiền 113.500.000 đồng. Ngược lại bị đơn bà Đ, ông B cho rằng chưa lãnh hội, bà G chưa giao tiền trong các đây hội trên nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Do bị đơn không thừa nhận đã lãnh tiền hội trong các đây hội mà nguyên đơn đang yêu cầu, nguyên đơn trình bày khi giao tiền hội không lập biên bản giao tiền. Nguyên đơn cung cấp người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Trần Minh Q (tên thường gọi Đen) ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh về việc đã giao tiền hội cho bị đơn.

Căn cứ lời khai của người làm chứng tại phiên tòa đều khẳng định không chứng kiến việc bà G giao tiền hối cho bà Đ, ông B. Ông Quang trình bày đây hối mở ngày 10/9/2020, hối 5.000.000 đồng/phần bà Đ có điện thoại thông báo cho ông biết về việc bà Đ hối hối, tuy nhiên cũng không chứng kiến việc giao tiền hối nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

Từ đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G buộc bị đơn bà Đ, ông B trả 113.500.000 đồng tiền hối.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 210, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hối, biên, phường.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc G về việc tranh chấp hợp đồng góp hối với ông Đào Văn B và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu trả số tiền hối 113.500.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc G phải nộp 5.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà G được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.837.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009644 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Bà Nguyễn Thị Ngọc G còn phải tiếp tục nộp 2.837.500 đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung